

# PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN VÀ BÀI TOÁN TƯƠNG QUAN GIỮA QUY MÔ VỚI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

• PGS.TS. PHAN VĂN KHA

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

Phát triển đội ngũ giáo viên được coi là giải pháp đột phá trong Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010. Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án "Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005 - 2010" đã xác định mục tiêu tổng quát xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, v.v... đáp ứng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong những năm qua, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng năng lực của đội ngũ giáo viên còn nhiều hạn chế, thiếu về số lượng, không đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt yếu về chất lượng. Vì vậy, mục tiêu phát triển giáo dục trong những năm tới, một mặt phải tăng cường chất lượng giáo dục ĐH, mặt khác phải mở rộng quy mô, hợp lý hóa về cơ cấu ngành đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. Điều đó đã tạo ra những thách thức lớn trong việc xây dựng hệ thống các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục ĐH, đặc biệt là đội ngũ giảng viên (GV) các cơ sở đào tạo ĐH và CĐ, trong đó có GV các trường sư phạm.

## 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên đại học và cao đẳng

*Thực trạng đội ngũ GVĐH và CĐ qua các số liệu thống kê:*

Theo báo cáo của Bộ GD&ĐT tại Hội nghị toàn quốc chất lượng giáo dục ĐH, đến cuối năm 2006, cả nước có 136 ĐH, học viện, trường ĐH và 183 trường CĐ, trong đó có 30 trường ĐH và 17 trường CĐ ngoài công lập. Quy mô đào tạo vào thời điểm này đạt 1.503.846 SV, trong đó có 1.136.904 SV ĐH. Quy mô học viên cao học là 38.461, nghiên cứu sinh là 4.518.

Trong năm học 2006 - 2007, đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy và làm công tác quản lý giáo dục có 1.133.083 người, trong đó giáo viên

mầm non: 163.809 người; giáo viên phổ thông 780.601; người; giáo viên trung cấp chuyên nghiệp: 14.540 người; giáo viên dạy nghề giảng dạy trong các trường dạy nghề có 8.394 người; đại học và cao đẳng có 53.878 người, trong đó GV trong các trường ĐH chiếm khoảng 71,3%.

GV ĐH & CĐ có trình độ cao chiếm tỉ lệ rất thấp, trong đó: 5,48% GV là GS và PGS (2930 người); 10,99% GV có trình độ TS và TSKH (5822); 34,23% GV có trình độ thạc sĩ (18.272 người). Tỉ lệ SV ĐH và CĐ trên 1 GV (SV/GV) là 27,91. (1)

Đội ngũ GV các trường sư phạm - "máy cái" tạo ra nguồn nhân lực - đội ngũ giáo viên của hệ thống các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề và một bộ phận cho các trường ĐH&CĐ cũng trong tình trạng tương tự. Tính đến tháng 11/2006 cả nước có 123 cơ sở đào tạo bồi dưỡng giáo viên và CBQL GD, trong đó có 14 trường ĐHSP, 56 trường CĐSP, 7 trường TCSP, 1 viện nghiên cứu khoa học và 1 học viện QLGD, 1 trường CBQL-GD - đào tạo, 30 trường ĐH và 13 trường CĐ có khoa sư phạm. Tổng số GV và giáo viên của các ĐH&CĐ sư phạm trong toàn quốc là 10.313 người, quy mô đào tạo năm 2006 là 381.337 học sinh, sinh viên (HS,SV), trong đó 21,6% SV cao đẳng; 65,6% SV đại học.

Trên thực tế, trình độ đào tạo của đội ngũ GV trong hệ thống các trường này còn thấp hơn mặt bằng chung của các trường ĐH&CĐ. Trong số GV các trường ĐH&CĐSP có 3,07% GV có học hàm GS&PGS, 9,18% GV có trình độ TS&TSKH, 34,44% GV có trình độ thạc sĩ. Trong khi đó ở các trường ĐH&CĐ nói chung có các tỉ lệ tương ứng là: 5,48%, 10,99% và 34,23%.

Theo thống kê, các trường ĐHSP có 3827 GV, trong đó có 5,2% GV có học hàm GS&PGS, 15,5% GV có trình độ TS&TSKH và 37,6% GV có trình độ thạc sĩ. Trong khi đó tỉ lệ bình quân tương ứng ở các trường ĐH nói chung là 6,6%, 14,9% và 33,7%. (Bảng 1)



Bảng 1. Tình hình đội ngũ GV ĐH&CD năm học 2006 - 2007

Hệ thống trường	Tổng số trường	Quy mô SV	Giảng viên				Tỷ lệ SV/GV
			Tổng Số	GS, PGS	TSKH, TS	ThS	
A. Các trường ĐH&CD:	319	1 503 846	53 878	5,48%	10,99%	34,23%	27,91
Trong đó các trường ĐH:	136	1 136 904	38 415	6,6%	14,9%	33,7%	29,60
B. Riêng các trường ĐH&CD có đào tạo SP:	114	381.337	10.313	3,07%	9,18%	34,44%	37
Trong đó các trường ĐHSP, Học viện QLGD:	15	209 145	3827	5,2%	15,5%	37,6%	54,65

Tỉ lệ SV/ 1 GV trong hệ thống sư phạm là quá cao, tính trung bình là 37. đặc biệt là ở các trường ĐHSP (54,65 SV/GV).

Các số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ GV có trình độ thạc sĩ trong các trường ĐH và CD tăng dần từ năm học 2004 – 2005 đến nay (30,51% năm học 2004 – 2005, 34,23% năm học 2006 - 2007) nhưng tỉ lệ GV trình độ tiến sĩ có xu hướng ngược lại: 13,06% năm học 2004 – 2005; 12,43% năm học 2005 – 2006; và 10,99% năm học 2006 – 2007.

Các số liệu thống kê cho thấy, tải trọng của giáo viên nói chung và đặc biệt của GV các trường ĐH sư phạm nói riêng là quá lớn, giáo viên không có điều kiện để đầu tư thời gian cho việc đổi mới và hiện đại hóa nội dung đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ sản xuất, kinh doanh.

*Đội ngũ GVĐH qua kết quả thi điểm kiểm định 20 trường ĐH do Dự án GD ĐH tiến hành:* về tiêu chí CBQL, GV và nhân viên theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường ĐH ban

hành theo Quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/12/2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (1, tr 16 - 17) cho thấy hầu hết các cơ sở GD ĐH không có kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý giáo dục; tỉ lệ đội ngũ GV có trình độ TS và TSKH thấp dẫn đến chất lượng đội ngũ chưa đảm bảo, tải trọng giảng dạy của GV quá lớn cản trở hoạt động NCKH và bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ; trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ còn rất hạn chế, thiếu chuẩn nghề nghiệp GV ĐH và đánh giá GV ĐH theo chuẩn nghề nghiệp, v.v...

*Những hạn chế về số lượng và chất lượng đội ngũ GV ĐH và CD như đã đề cập trên đây xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:*

- Tiêu chuẩn về GV ĐH & CD được quy định tại Luật Giáo dục 2005 và Điều lệ trường ĐH còn quá thấp và lạc hậu. Chấp nhận GV ĐH có trình độ ĐH trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đã không tạo ra động cơ bắt buộc đối với GV và cả các trường ĐH trong công tác đào tạo đội ngũ. Tình trạng “cơm chấm cơm” vẫn còn tồn tại khá phổ biến ở các trường ĐH & CD.

Những yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin chưa đi vào thực chất để các GV sử dụng như những công cụ mạnh, bắt buộc phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Chủ trương nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa được cụ thể hóa thành các quy hoạch, kế hoạch của các trường ĐH trong lĩnh vực này.

- Đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV ĐH & CĐ chưa trở thành điều kiện tiên quyết và bắt buộc đối với các cơ sở giáo dục ĐH & CĐ nói chung và chính đội ngũ GV nói riêng. Các trường còn chạy theo quy mô, số lượng trong tuyển sinh, chưa thực sự chăm lo chất lượng đội ngũ.

- Còn tồn tại cơ chế bao cấp trong hệ thống đào tạo nhân lực nói chung và đào tạo ĐH & CĐ nói riêng. Cơ chế giao chỉ tiêu tuyển sinh ĐH & CĐ chủ yếu mới dựa theo nhu cầu người học, chưa dựa trên nhu cầu thực của các đơn vị sử dụng nhân lực và năng lực thực tế của các trường, trong đó có năng lực của đội ngũ GV.

- Thực tiễn hiện nay cho thấy nhiều trường ĐH mặc dù đã có kinh nghiệm lâu năm trong đào tạo ĐH và sau ĐH nhưng còn thiếu GV có trình độ GS, PGS và TS ở những chuyên ngành đào tạo mới mở. Một số trường ĐH & CĐ công lập mới được nâng cấp từ CĐ hay trung cấp chuyên nghiệp còn thiếu nhiều GV, đặc biệt là GV có trình độ cao. Nhiều trường ĐH & CĐ ngoài công lập mới được thành lập chưa có đủ thời gian để quy hoạch xây dựng đội ngũ GV đảm bảo chất lượng.

- Chính sách đối với đội ngũ nhà giáo nói chung và GV ĐH & CĐ nói riêng chưa đảm bảo cho đội ngũ GV có cuộc sống đủ để có thể toàn tâm, toàn ý cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học có chất lượng, chưa trở thành công cụ "kích cầu", tạo động lực đối với giáo viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

## **2. Tính khả thi của các mục tiêu phát triển đội ngũ GV trong chiến lược nâng cao chất lượng trong mối tương quan với phát triển quy mô giáo dục ĐH**

Theo Báo cáo "Tình hình thực hiện giai đoạn I (2001 - 2005) Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010", số SV ĐH & CĐ tăng trung bình 8,5%/năm. Nếu quy mô đào tạo hàng năm tăng như hiện nay thì quy mô SV vào năm 2020 là 4.712.156 SV. Để đạt được mục tiêu 20 SV/GV vào năm 2020 chúng ta cần có khoảng 235.000 GV.

Theo Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch mạng lưới các trường ĐH & CĐ giai đoạn 2006 - 2020, phần đầu đạt tỉ lệ 300 SV/1 vạn dân vào năm 2015 và 450 SV/1 vạn dân vào năm 2020. Nếu giữ tốc độ tăng dân số bình quân là 1,4%/năm thì dân số nước ta vào năm 2020 sẽ vào khoảng: 102.394.000 người. Để đạt được mục tiêu 450 SV/1 vạn dân vào năm 2020, quy mô SV nước ta vào năm 2020 sẽ là: 4.607.550 SV. Nhu cầu số lượng đội ngũ GV vào năm 2020 là: 230.377 GV.

**Như vậy, theo 2 cách tính trên, để đạt mục tiêu 450 SV/1 vạn dân và tỉ lệ 20 SV/1 GV vào năm 2020, có 2 vấn đề đặt ra:**

- Về số lượng GV, vào năm 2020, **số lượng GV ĐH & CĐ cần có trên 230 nghìn người**, tăng gấp hơn 4,4 lần số GV hiện nay. Làm thế nào để từ nay đến năm 2020 chúng ta đào tạo bổ sung được khoảng 176.000 GV (trung bình mỗi năm tăng hơn 13.600 GV) và cộng thêm số GV đủ bù cho số GV nghỉ hưu và hao hụt tự nhiên từ nay đến năm 2020? Trong khi trên thực tế, mặc dù đã rất cố gắng, số GV ĐH & CĐ trong những năm qua đạt tỉ lệ tăng bình quân gần tương đương với tỉ lệ tăng quy mô SV (khoảng 8,5%/năm) thì tới năm 2020 số GV mới đạt khoảng 155.600 người - còn một khoảng cách lớn so với nhu cầu đặt ra.

- Về chất lượng đội ngũ GV, giả định là từ nay đến năm 2020, số TS & TSKH hiện có (5822 người) không nghỉ hưu và không hao hụt tự nhiên, và chúng ta thực hiện tốt chương trình đào tạo bổ sung 20.000 TS, bổ sung toàn bộ lực lượng này cho các trường ĐH & CĐ, sẽ nâng tổng số GV có trình độ GS, PGS, TS & TSKH lên khoảng 25.822 GV có trình độ GS, PGS, TS và TSKH. Và như vậy, tỉ lệ GV có trình độ GS, PGS, TS và TSKH mới chỉ đạt khoảng 11,23%. Mặt khác, có thể có một tỉ lệ đáng kể các TS được đào tạo từ nay đến năm 2020 sẽ không trở về giảng dạy ở các trường ĐH & CĐ, mà sẽ làm việc ở các cơ quan nghiên cứu, quản lí, v.v.... Và như vậy, nếu cố gắng phấn đấu cũng không thể đạt được tỉ lệ khoảng 10% GV có trình độ cao vào năm 2020, nếu chúng ta muốn đạt quy mô 450 SV/1 vạn dân.

Xét riêng đội ngũ GV đại học, nếu duy trì tỉ lệ quy mô SV ĐH trong tổng số SV ĐH & CĐ như hiện nay (79,3%) thì quy mô SV ĐH vào năm 2020 là 3.649.180. Số GV ĐH tương ứng cần có khoảng 182.460 người. Số liệu tại Bảng 1 cho thấy năm học 2006 – 2007 tổng số GV đại học là 38.415 người. Số GV ĐH có trình độ TS và TSKH là 5.724 người (14,9%). Giả định là từ nay đến năm 2020, số GS, PGS, TS & TSKH hiện có không nghỉ hưu và không hao hụt tự nhiên, và chúng ta thực hiện tốt chương trình đào tạo 20.000 TS, bổ sung toàn bộ lực lượng này cho các trường ĐH, sẽ nâng tổng số GV có trình độ TS & TSKH lên khoảng 25.724 người. Như vậy, tỉ lệ GV đại học có trình độ TS, TSKH là 11,18% - tỉ lệ này còn thấp hơn so với thời điểm hiện nay và càng không thể thực hiện được mục tiêu “Đến năm 2010 có 40% GV ĐH và trên 30% GV cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên; có trên 25% GV ĐH và 5% GV CĐ có trình độ TS” theo Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/7/2007 về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới các trường ĐH & CĐ giai đoạn 2006 – 2020”.

Chúng ta có thể huy động đội ngũ các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài, tuy nhiên đội ngũ này cũng cũng chỉ là nguồn bổ sung không đáng kể so với nhu cầu bổ sung GV ĐH hàng năm khoảng 12.000 người.

Mặt khác, nhằm tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học, Bộ GD&ĐT đang triển khai xây dựng đề án xây dựng định mức lao động đối với giảng viên các trường đại học theo hướng giảm thời gian giảng dạy và tăng thời gian dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học. Do vậy, nhu cầu tất yếu đòi hỏi quy mô GV trong các trường ĐH tăng với tốc độ nhanh hơn so với tốc độ tăng quy mô SVĐH.

Số SV có thể tăng và giả định nhà nước có thể tăng ngân sách đầu tư cho phát triển GDĐH, đồng thời có thể huy động từ nhiều nguồn đầu tư khác đảm bảo kinh phí cho đào tạo đại học với quy mô nêu trên. Tuy nhiên cần xem xét điều kiện về đội ngũ GV – lực lượng quyết định chất lượng đào tạo.

Do vậy, bài toán cân đối chất lượng và quy mô sinh viên đại học và cao đẳng cần được đặt ra và xem xét một cách kĩ lưỡng. Nếu phải bằng mọi giá đến năm 2020 số SV trên 1 vạn dân đạt 450 thì buộc chúng ta phải chấp nhận chất lượng GDĐH không được như mong muốn do chất lượng đội ngũ GV thấp. Ngược lại, nếu chất lượng được coi là mục tiêu chiến lược cơ bản của hệ thống giáo dục từ nay đến năm 2020 thì mục tiêu về quy mô cần được xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.

### 3. Một số định hướng phát triển đội ngũ GV các trường ĐH & CĐ

- Phát triển đội ngũ GV ĐH & CĐ cần được xem xét theo hướng ưu tiên chất lượng giáo dục ĐH trong mối tương quan với việc tăng quy mô. Lấy mục tiêu chất lượng làm mục tiêu chiến lược ưu tiên hàng đầu để phát triển giáo dục ĐH nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Cần cân đối lại tương

quan giữa mục tiêu quy mô và mục tiêu chất lượng, xem xét và điều chỉnh chỉ tiêu quy mô SV trên 1 vạn dân và giảm tốc độ tăng quy mô SV hàng năm để hiện thực hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng, đặc biệt là chất lượng đội ngũ GV ĐH & CĐ để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Bộ GD & ĐT cần xây dựng chuẩn nghề nghiệp của các loại GV ĐH & CĐ (trợ giảng, GV, GV cao cấp). Phát triển đội ngũ GV ĐH & CĐ theo hướng chuẩn hóa GV, chuẩn hóa cơ cấu trình độ đội ngũ GV theo hướng xây dựng chuẩn nghề nghiệp của họ; dựa trên chuẩn để tuyển chọn, sàng lọc, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học v.v...; thu hút các cán bộ khoa học có trình độ cao, các chuyên gia giỏi đang làm việc tại các doanh nghiệp, các cơ quan hành chính sự nghiệp về giảng dạy ở các trường ĐH&CĐ đáp ứng nhu cầu phát triển công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trường.

- Sớm hoàn thành đề án đổi mới cơ chế giao chỉ tiêu tuyển sinh ĐH & CĐ, với hai căn cứ cơ bản cần được xác định rõ: dựa trên nhu cầu thực của xã hội và năng lực thực tế của các trường, trong đó năng lực của đội ngũ GV cần được xem xét dựa trên chất lượng đội ngũ thông qua số lượng GV có trình độ GS, PGS, TSKH, TS và thạc sĩ.

- Đổi mới định mức lao động của GV theo hướng giảm tiêu chuẩn giờ dạy, tăng thời gian dành cho các hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu đổi mới và hiện đại hóa nội dung đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào việc đổi mới phương pháp dạy học.

- Trên cơ sở các chuẩn quy định (chuẩn nghề nghiệp của GV, chuẩn cơ cấu trình độ của đội ngũ GV...) các trường ĐH & CĐ cần xác định các mục tiêu và giải pháp chiến lược phát triển đội ngũ GV của trường mình đến năm 2020 và cho từng giai đoạn trong chiến lược tổng thể của trường mình. Triển khai thực hiện quy hoạch

trong thực tiễn có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ của Bộ GD & ĐT.

- Điều chỉnh chính sách lương và các chính sách đãi ngộ dựa trên tiêu chuẩn nghề nghiệp để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ GV, chính sách tuyển dụng và chính sách đào tạo, bồi dưỡng GV, tạo động lực để đội ngũ GV phát triển – góp phần quyết định sự thành công của chiến lược phát triển GDĐH trong những năm tới.

Phát triển về số lượng và cơ cấu đội ngũ GV ĐH cần được xem xét trong mối tương quan với chất lượng đội ngũ, với quy mô và cơ cấu SV ĐH & CĐ. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, mục tiêu chất lượng giáo dục, trong đó có giáo dục ĐH cần được ưu tiên hàng đầu. Trong bối cảnh đó, cần cân nhắc điều chỉnh mục tiêu theo hướng giảm về quy mô SV, đồng thời quy hoạch phát triển đội ngũ GV với số lượng và cơ cấu nghề nghiệp và cơ cấu trình độ phù hợp, chất lượng ngày càng được nâng cao và chuẩn hoá.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT. *Tài liệu Hội nghị các trường sư phạm. Hà Nội, 12/2006.*
2. *Báo cáo kết quả điều tra khảo sát các cơ sở đào tạo sư phạm.* Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 2006.
3. Bộ GD&ĐT. *Báo cáo Hội nghị toàn quốc chất lượng giáo dục đại học.* TP. Hồ Chí Minh, tháng 1/2008.
4. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục. *Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện giai đoạn 1 (2001 - 2005) Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010.* Hà Nội, 9/2007.
5. Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục. *Nghiên cứu đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo Việt Nam (Tài liệu lưu hành nội bộ).* Hà Nội, 9/2007.

#### SUMMARY

*On the basis of analyzing the present situation of teacher educators in Vietnam, the author highlights a number of solutions to develop the contingent of teacher educators to meet what is required by the cause of national industrialization and modernization.*